

I. Tổng quan

1.1. Khái quát các nội dung cải cách thể chế chủ yếu

Chuyển đổi kinh tế ở các nước Trung và Đông Âu được tiến hành vào những năm cuối thế kỉ XX, đầu thế kỉ XXI, mà đặc trưng của quá trình đó là việc từng bước xóa bỏ các thể chế kinh tế cũ-Kinh tế kế hoạch sang nền kinh tế thị trường. Theo đó, các nội dung chính của cuộc cải cách tập trung vào hầu hết các lĩnh vực quan trọng từ đó hình thành các thể chế hỗ trợ thị trường như: quyền sở hữu tư nhân và pháp lý hợp đồng; hệ thống ngân hàng hai cấp và các thị trường tài chính khác; thể chế thị trường lao động, bất động sản, chính sách tài khóa, ngân sách khu vực doanh nghiệp, cạnh tranh... Tuy nhiên vẫn tồn tại những yếu kém đe dọa đến quá trình cải cách và ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế như: những hạn chế trong năng lực quản lý của nhà nước về hệ thống pháp luật, đảm bảo quyền sở hữu, thiếu minh bạch, thiếu cơ sở hạ tầng, thi hành luật thuế và hợp đồng kinh doanh, quản lý doanh nghiệp, chính sách phát triển, an sinh xã hội, hành chính...cùng với đó là sự xung đột giữa thể chế chính thức và không chính thức. Trong khi các nước như Ba Lan, Hungary, Slovenia đạt được nhiều thành tựu thì Nga lại tỏ ra ít thành công hơn.

1.2. Đánh giá của một số nghiên cứu thực nghiệm về cải cách thể chế và tác động của nó đến hiệu quả kinh tế.

Về chất lượng thể chế: theo đánh giá của nhiều nghiên cứu chất lượng thể chế của các nền kinh tế chuyển đổi đã được cải thiện đáng kể song vẫn còn thấp so với các nước công nghiệp phát triển, và cải cách thể chế kinh tế vẫn là một nội dung đặc biệt quan trọng mà các nước này vẫn phải tiếp tục thực hiện.

Về tác động đến hiệu quả kinh tế. Xét trên tầm vĩ mô: trong 3 năm đầu cải cách các nước đều trải qua sự suy giảm GDP, sau đó phục hồi và không bị suy giảm. Ba Lan, Séc và Hungary có chất lượng thể chế cao nên tốc độ tăng trưởng cao, điều ngược lại diễn ra tại các nước có chất lượng thể chế thấp chủ yếu thuộc các nước Liên Xô cũ. Xét trên tầm vi mô: môi trường thể chế tác động đến hành vi của các doanh nghiệp theo 3 hướng chính: Các doanh nghiệp mới và các doanh nghiệp có

năng suất cao tham gia vào thị trường; tái cơ cấu và tổ chức doanh nghiệp hiện hành; các doanh nghiệp không hiệu quả rút khỏi thị trường.

1.3. Một số nhận xét.

Các đánh giá trên chỉ theo học thuyết kinh tế tân tự do và đã bộc lộ những khiếm khuyết vì chưa chú trọng đến phát triển bền vững. Theo IMF, gói biện pháp cải cách của các nước này tập trung vào: ổn định kinh tế vĩ mô là quan trọng nhất; ưu tiên tư nhân hóa sẽ đảm bảo cho phát triển; tự do hóa thương mại sẽ làm tăng khả năng cạnh tranh; xây dựng thể chế theo mô hình phương Tây là thích hợp; cắt giảm mạnh bộ máy chính phủ. Sau hơn 10 năm cải cách, những kết quả đạt được nói chung không được như mong muốn, và thực tế đã phủ nhận các nội dung trong gói biện pháp cải cách trên.

1. Bối cảnh kinh tế nước Nga

Vào cuối thập kỷ 70 và thập kỷ 80, kinh tế thế giới bước vào thời kỳ bị khủng hoảng, các nước tư bản chủ nghĩa đã tiến hành tự điều chỉnh nền kinh tế một cách phổ biến và đạt được kết quả nhất định. Nhiều nước đang phát triển cũng đang cải cách để khắc phục tình trạng khó khăn và phát triển chậm chạp của nền kinh tế.

Ở Liên Xô, từ giữa thập kỷ 70 trở đi, nền kinh tế cũng dần dần bước vào tiền khủng hoảng và khủng hoảng, nhịp độ tăng trưởng kinh tế chậm lại.

Trước tình hình đó, vào thập kỷ 80, Liên Xô tiến hành cải tổ, cải cách nền kinh tế. Nhưng cũng giống như các cuộc cải cách kinh tế các lần trước, cuộc cải cách lần này đều vẫn tiến hành trong khuôn khổ của mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội. Cho nên cuộc cải cách này không mang lại kết quả như mong muốn. Trong 5 năm 1981-1985 nhịp độ tăng thu nhập của các nước SEV là 2,6% năm, trong khi các nước OECD là 3,5% và của các nước EEC là 3,1% năm. Năm cuối cùng của thập kỷ 80 nền kinh tế nước này chìm sâu trong khủng hoảng: thu nhập quốc dân sản xuất của Liên Xô chỉ tăng 1,5%, của các nước Đông Âu tăng 0,5%. Riêng Ba Lan mức tăng là 0%, còn Bungari, Hungari thì giảm tuyệt đối.

Do vậy cuối năm 1989, Đông Âu có những biến cố chính trị liên tiếp nổ ra. Mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu lần lượt bị sụp đổ. Tiếp đó năm 1991 mô hình chủ nghĩa xã hội cũng sụp đổ ở Liên Xô.

Bước vào thập kỷ 90, Liên Xô đã từ bỏ mô hình chủ nghĩa xã hội và đang quá độ chuyển sang giai đoạn phát triển mới, từng bước phát triển mới, từng bước xây dựng

nền dân chủ hiện đại, đa nguyên chính trị và nền kinh tế thị trường kiểu phương Tây, trong những điều kiện và mức độ khác nhau.

2. Nguyên nhân chuyển đổi

Sự sụp đổ của mô hình kinh tế - xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô là do những nguyên nhân cơ bản sau:

- Nguyên nhân sâu xa: Mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập chung đã giúp cho Liên Xô đạt được nhiều thành tựu quan trọng, nhất là thời gian đầu và những năm chiến tranh, nhưng mô hình ấy dần dần bộc lộ một số khuyết, nhược điểm, nó không có cơ cấu và cơ chế tự điều chỉnh để phát triển thích ứng với những đòi hỏi của cuộc sống thực tế. Do đó, không tạo động lực bên trong của sự phát triển.

- Nguyên nhân trực tiếp: công cuộc cải tổ không có sự chuẩn bị kỹ, phạm sai lầm về quan điểm đường lối, bước đi và giải pháp thực hiện. Tiến hành cải tổ chỉ thiên về chính trị trước mà không làm biến chuyển về kinh tế, làm cải tổ ở bên trên mà không làm chuyển ở bên dưới...

- Nguyên nhân khác từ phía chủ nghĩa đế quốc và phản động quốc tế, cùng với các lực lượng xã hội dân chủ tăng cường hoạt động cho các lực lượng chống đối...

3. Nội dung chuyển đổi

Ngay sau khi Liên Xô tan rã vào năm 1991, từ năm 1992 Nga bắt đầu tiến hành cải cách theo phương pháp “trị liệu sốc”. Cuộc cải tổ diễn ra theo ba giai đoạn:

- Giai đoạn 1992-1993 nhà nước tập trung vào tự do hóa các hoạt động kinh tế và xóa bỏ tàn dư của hệ thống chỉ huy.
- Giai đoạn 1993-1998: Vai trò khu vực chính phủ tăng mạnh; cải cách hệ thống thuế...
- Giai đoạn 1998 đến nay: Ổn định hóa kinh tế và tài chính. Cải cách kinh tế toàn diện được ban hành năm 2000.

Nội dung cải cách:

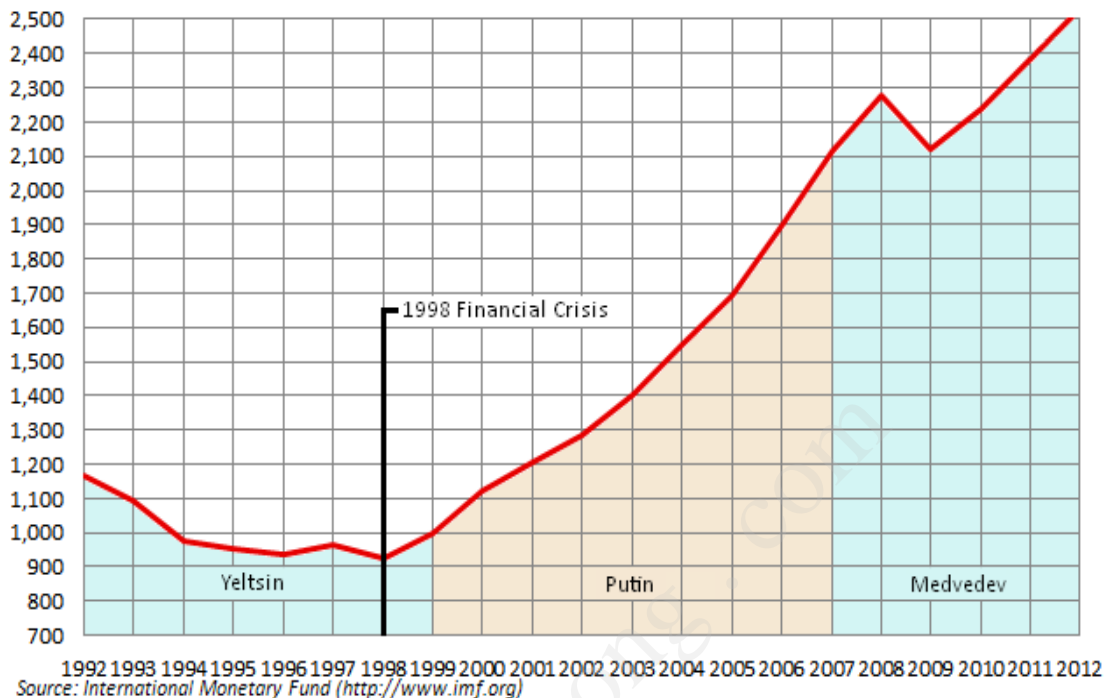
- ❖ Tự nhân hóa doanh nghiệp nhà nước: mục đích xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu tư nhân. Các hoạt động: công ty hóa các DNNN quy mô vừa và lớn bằng cách bán hoặc giao cổ phần cho các công dân hoặc thực thể pháp lý phi nhà nước.
- ❖ Cải cách thể chế tài chính- tiền tệ

- Cải cách hệ thống thuế trên cơ sở học tập kinh nghiệm ở Trung và Đông Âu.
 - Cải cách hệ thống Ngân Hàng: tự do trong thành lập.
 - Sự phát triển của thị trường vốn: nhiều yếu kém.
- ❖ Cải cách thể chế kinh tế đối ngoại
Tự do hóa các hoạt động thương mại và tiền tệ, đổi mới hệ thống chỉ đạo các quan hệ kinh tế đối ngoại, hình thành các cơ chế quản lý mới phù hợp với các thể chế thương mại và tiền tệ quốc tế.
- ❖ Cải cách thể chế hành chính
Cải cách lại bộ máy hành chính nhưng kết quả đạt được khoanh như mong muốn
- ❖ Cải cách thể chế xã hội
Cho ra đời hàng loạt các thể chế xã hội: các tổ chức phi thương mại, các công đoàn Nhưng sự phát triển của các thể chế xã hội ở nga cũng gặp phải nhiều cản trở, nhất là các thể chế hoạt động trong lĩnh vực như cải cách pháp lí, bảo vệ môi trường và đấu tranh cho quyền tự do của công dân.

4, Kết quả

Russian GDP (PPP) Since Fall of Soviet Union

Billions of International Dollars (2012)



5. Nguyên nhân thất bại của cuộc cải tổ

Tuy nhiên, chương trình cải cách hành chính đầy tham vọng này đã không thành công. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thất bại này:

Thứ nhất, chính phủ Nga đã không quan tâm đúng mức đến chương trình;

Thứ hai, nội bộ chính quyền không đồng thuận; T

Thứ ba, khủng hoảng kinh tế năm 1998 cũng tác động rất mạnh lên nó.

Thứ tư, do chính phủ và Quốc hội mâu thuẫn gay gắt, cuộc đấu tranh chính trị giữa hai bên kéo dài làm suy yếu quyền lực của trung ương làm cho thế lực địa phương ngày càng hùng mạnh. Trong điều kiện đó để lấy được sự ủng hộ của chính quyền địa phương trong cuộc đấu tranh chống lại Đuma quốc gia, Tổng thống En-xin đã đi đến thoả thuận với tổng thống các nước cộng hoà tự trị và các Trưởng khu vực hành chính với sự cho phép các địa phương toàn quyền quyết định các công việc nội bộ, đổi lại các địa phương phải ủng hộ tổng thống khi cần. Kết quả là nhà nước Liên bang lập **hiến đã** biến thành nhà nước Liên bang **khế ước**.

Tình hình chính trị ở Nga sau khi bầu cử ở các địa phương năm 1996 – 1997 cũng diễn ra những thay đổi quan trọng trong quan hệ giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương: Các nhà lãnh đạo địa phương mới được bầu một cách chính thống, ít bị phụ thuộc vào trung ương, Tổng thống mất đi quyền bổ nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhà lãnh đạo địa phương. Quyền lực của các nhà lãnh đạo địa phương được mở rộng nhanh chóng, thống đốc các bang, tổng thống các nước cộng hoà đã trở

thành các ông hoàng địa phương của khu vực đó, năng lực kiểm soát của trung ương với các địa phương ngày một suy yếu. Khoản trợ cấp của trung ương cho các địa phương bị cắt giảm buộc các vị lãnh đạo địa phương phải thực hiện chính sách kinh tế xã hội độc lập hơn, dẫn đến cuộc khủng hoảng quan hệ giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương, sự bất tuân lệnh trung ương của chính quyền địa phương đã làm cho cuộc cải cách hành chính trở nên vô vọng.

5. Bài học cho Việt Nam

- Trong thời kì khôi phục kinh tế (1921-1925): Liên Xô thực hiện chính sách kinh tế mới để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất ở cả thành thị và nông thôn. Đây là một chính sách thích hợp với nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội (trong đó có nước ta) đều cần vận dụng những nguyên tắc căn bản của chính sách này.

- Liên Xô tiến hành công nghiệp hóa XHCN đã ưu tiên phát triển công nghiệp nặng ngay từ đầu. Điều này phù hợp với bối cảnh quốc tế và trong nước của Liên Xô lúc đó. Và công nghiệp hóa nhanh ở Liên Xô đã đạt được những thành tựu to lớn, có thể gọi là sự thần kì kinh tế. Tuy nhiên cái giá phải trả khá đắt: làm cho nền kinh tế bị mất cân đối về nhiều mặt, giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ, công nghiệp và kết cấu hạ tầng, chất lượng và hiệu quả kinh tế không cao. Do vậy các nước tiến lên chủ nghĩa xã hội với xuất phát điểm thấp thực hiện công nghiệp hóa theo mô hình trên thì không hiệu quả và tỏ ra không thích hợp.

- Bài học từ cuộc cải tổ và sự sụp đổ của mô hình XHCN ở Liên Xô: Cuộc cải tổ nền kinh tế là việc tất yếu phải làm để củng cố và hoàn thiện CNXH, nhưng phải chuẩn bị kĩ cả về mặt lý luận và chiến lược thực hiện, cần có những chủ trương và từng bước đi cải tổ đúng đắn trên cơ sở của chủ nghĩa Mác- Lê nin, cần có sự giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa cải cách chính trị và cải cách kinh tế. Một sai lầm nghiêm trọng của Liên Xô chính là không đặt đúng vị trí mối quan hệ qua lại giữa hai mặt trên.

Trong cải cách chính trị, Liên Xô đã không tìm cách cải thiện vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, trái lại hạ thấp vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng, làm suy yếu Đảng và dẫn đến xã hội bị tan rã. Đó là một bài học thiết thực cho công cuộc đổi mới kinh tế ở nước ta hiện nay, tăng cường sự lãnh đạo của đảng Cộng sản Việt Nam là một nhân tố quyết định cho sự thắng lợi của sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, trong đó có đổi mới kinh tế.

1. Một số nét khái quát

- Trước khi bước vào cuộc cải cách năm 1989, Ba Lan theo mô hình kinh tế phi thị trường với sự thống trị của khu vực nhà nước, nhất là công nghiệp
- Hệ thống giá cả chủ yếu là được trợ giá và điều chỉnh trực tiếp theo lối hành chính.
- Nền tảng kinh tế dựa vào phi xuất khẩu, hầu như không có cạnh tranh trong nước và nước ngoài
- Tồn tại hệ thống ngoại tệ hều tỷ giá, đồng ội tệ không có khả năng chuyển đổi, không có các thể chế cần thiết của nền kinh tế thị trường
- Hầu như không có thị trường chứng khoán, trái phiếu chính phủ, chế độ tự quản địa phương theo đúng nghĩa
- Hầu như không tồn tại ngân hàng trung ương cũng như hệ thống các ngân hàng thương mại.
- Cơ cấu bất hợp lý, mất cân đối vĩ mô, nguồn lực thiếu chuyên gia có trình độ, nợ nước ngoài trầm trọng
- Tình hình kinh tế ảm đạm, đứng trước nguy cơ sụp đổ
- Trước tình hình đó, năm 1989, Chính phủ công đoàn kiên quyết áp dụng các biện pháp kinh tế mạnh bạo để ổn định tình hình bằng các biện pháp:
 - + cải cách giá cả hàng hóa và dịch vụ, giảm chi ngân sách, cắt trợ cấp của nhà nước cho doanh nghiệp làm ăn thua lỗ
 - + Kiểm soát chặt quỹ lương, phá giá đồng nội tệ
- Tháng 9/1989, Chính phủ đã thông qua kế hoạch Baclerovich với nội dung chính là chống lạm phát, đưa nền kinh tế trở lại cân bằng, tự do hóa hoàn toàn lĩnh vực thương mại, sửa đổi hệ thống tài chính, ngân hàng, thị trường chứng khoán cải cách DNNN, cải cách hệ thống pháp luật cho phù hợp với cơ chế thị trường.
- Năm 1993, Chính phủ mới ban hành Chiến lược phát triển Ba Lan và kế hoạch trọn gói 2000. Kết quả là đã tạo ra một thời kì phát triển nhanh chóng của nền kinh tế Ba Lan.
- Từ năm 1998, tăng trưởng kinh tế chậm lại, một số vấn đề nảy sinh đòi hỏi phải có những biện pháp cải cách mới.
- Cuối năm 2001, chính phủ mới của liên minh dân chủ cánh tả đã ban hành Kế hoạch cứu đất nước thoát khỏi nguy cơ phá sản nhấn mạnh vào việc cải cách thể chế Nhà nước và thể chế xã hội
- Tháng 2/ 1997, Ủy ban hội nhập châu Âu của Ba Lan thông qua Kế hoạch châu Âu năm 2006 tập trung vào các nội dung cải cách tương đối toàn diện nhằm đáp ứng các yêu cầu để Ba Lan có thể gia nhập EU và Liên minh Tiền tệ châu Âu.

2. Cải cách DNNN và sự phát triển của khu vực doanh nghiệp tư nhân

Cải cách DNN, chủ yếu thông qua tư nhân hóa, được coi là một nội dung trung tâm, nhưng cũng hết sức phức tạp, trong cuộc cải cách của Ba Lan

Theo luật tư nhân hóa của DNNN được ban hành vào tháng 7 năm 1990, một số phương pháp tư nhân hóa chủ yếu được chấp nhận:

- Tư nhân hóa tư bản, có nghĩa là bán các DNNN cho các cá nhân và công ty có đủ nguồn vốn để không chỉ mua được số tài sản của doanh nghiệp mà còn đủ khả năng tài chính để hiện đại hóa và thích ứng cơ cấu và chất lượng theo yêu cầu của thị trường
- Thương mại hóa DNN, có nghĩa là chuyển các DNNN thành các công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.
- Tư nhân hóa hàng loạt bằng cách phát hành cổ phiếu doanh nghiệp đại chúng.

Tất cả các phương pháp trên được tổ chức thực hiện bởi Bộ Tài chính và các cơ quan tư nhân hóa, Luật Doanh nghiệp tương đối thông thoáng.

Tháng 8 năm 1996, Đạo luật Thương mại hóa và Tư nhân hóa DNNN mới được ban hành thay cho đạo luật năm 1990 đã có một số đổi mới đã làm cho quá trình cải cách được tiến hành dễ dàng hơn và nhanh chóng hơn.

Song song với quá trình tư nhân hóa là sự thành lập các DNTN hoàn toàn mới, chính sự thông thoáng của luật doanh nghiệp đã tạo thuận lợi cho sự ra đời và phát triển nhanh chóng của doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Kết quả là tính đến tháng 5 năm 1994, cả nước đã có 2699 DNNN, chiếm khoảng 33% tổng số, đã hoàn thành tư nhân hóa, trong đó có:

- 1165 DNNN đang được tiến hành thanh lý
- 966 DNNN cho người lao động thuê
- 568 DNNN được thương mại hóa, 108 trường hợp đã hoàn thành.

Tỷ trọng của khu vực tư nhân trong nền kinh tế năm 1997 thể hiện:

- Tổng sản phẩm: 64,2%
- Số lượng lao động: 68,5%
- Sản lượng công nghiệp: 61,7%
- Sản lượng xây dựng: 92,8%
- Vốn đầu tư: 53,4%

Tính đến ngày 30/6/1998, cả nước có 2.183.000 doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân, trong đó có 123.000 công ty TNHH, 7.000 công ty cổ phần.

Trong những năm gần đây, tư nhân hóa tiếp tục được thực hiện thông qua nhiều con đường khác nhau, tập trung chủ yếu vào tư nhân hóa các doanh nghiệp có quy mô lớn

Trong hơn 10 năm cải cách, KVTN của Ba Lan đã khôn ngừng lớn mạnh và chiến lược tư nhân hóa trong các ngành quan trọng đang được đẩy mạnh.

3. Cải cách thể chế tài chính tiền tệ

- Cải cách hệ thống thuế

- Hệ thống thuế của Ba Lan được chuyển đổi mạnh mẽ và tương đối triệt để trong giai đoạn 1989-1993. Các công cụ thuế truyền thống của nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung đã được thay bằng một cấu trúc thích hợp với nền kinh tế thị trường.
- Đầu những năm 1990, hàng loạt các luật thuế mới được ban hành đã hình thành nên một khung pháp lý khá đầy đủ để vận hành một hệ thống thuế thích hợp với một nền kinh tế thị trường ở Ba Lan.
- Trong suốt quá trình chuyển đổi, việc Nhà nước Ba Lan từng bước hạn chế sự can thiệp vào nền kinh tế được thể hiện rõ thông qua giảm gánh nặng thuế cho các đối tượng chịu thuế. Thuế suất của các loại thuế liên tục giảm xuống, chỉ có thuế giá trị gia tăng là tăng lên do được mở rộng với một số dịch vụ công cộng.
- Tính đến tháng 5/2001, Ba Lan đã ký hiệp định tránh đánh thuế hai lần với 78 nước. Các hiệp định này dựa trên nguyên tắc có đi có lại và tác dụng làm giảm đáng kể gánh nặng thuế của các công ty hoạt động trên tầm quốc tế
- Về quản lý thuế, hệ thống được chia làm 3 cấp:
 - + Cấp thấp nhất là 344 phòng thuế trên toàn quốc với chức năng chính là đánh giá và thu thuế cho ngân sách nhà nước, đăng ký các đối tượng chịu thuế...
 - + Cấp thứ hai là 49 sở thuế ở 49 tỉnh với chức năng là quản lý các phong thuế và là cấp phúc thẩm xử lý các vụ vi phạm thuế đã được phòng thuế xử lý
 - + Cấp cao nhất là bộ tài chính có chức năng phát triển hệ thống thuế và thu thuế cũng như các khoản thu bằng tiền khác cho Kho Bạc Nhà nước.

Ba Lan hiện nay đã có một hệ thống thuế tương đối đầy đủ, toàn diện và minh bạch từ trung ương đến địa phương.

- Cải cách hệ thống ngân hàng và phát triển thị trường vốn.
- Cho tới năm 1988, hệ thống ngân hàng của Ba Lan vẫn điển hình thuộc mẫu hình của nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung
- Cải cách được bắt đầu vào năm 1989, sau khi Luật ngân hàng và Luật ngân hàng Quốc gia Ba Lan được thông qua, tạo môi trường pháp lý cho hoạt động ngân hàng.
- Các biện pháp cứng rắn được chính phủ thực hiện: tách NHTM ra khỏi NHQG, xóa bỏ các ngân hàng yếu kém, sát nhập các ngân hàng nhỏ, mở cửa cho các ngân hàng nước ngoài vào hoạt động nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và tính cạnh tranh
- Kết quả: trong thời gian 1989- 1993, cả nước có 85 NHTM, trong đó có 62 ngân hàng tư nhân, 9 ngân hàng hỗn hợp và 4 ngân hàng thuộc sở hữu nước ngoài và 10 ngân hàng còn lại thuộc sở hữu của Kho Bạc nhà nước

- Đặc biệt, NHTW trở thành cơ quan hoạt động độc lập đối với chính phủ với nhiệm vụ chính là thực hiện chính sách tiền tệ và duy trì sự ổn định của đồng nội tệ trong sự phối hợp với chính sách tài khóa của chính phủ.
- Theo luật tái cơ cấu tài chính doanh nghiệp và ngân hàng, việc tái vốn hóa các ngân hàng phải gắn liền với việc cải thiện hoạt động của hệ thống ngân hàng nhằm nâng cao hiệu quả và tăng khả năng thu hồi các khoản nợ.
- Tái cơ cấu ngân hàng được thực hiện gắn liền với tái cơ cấu doanh nghiệp nhằm cải thiện quản trị doanh nghiệp, giải quyết xung đột giữa các chủ nợ để tránh những vụ phá sản và thanh lý doanh nghiệp không cần thiết
- Năm 1994, Ban hành luật Tái cơ cấu Ngân hàng tập thể nhằm thiết lập một hệ thống cung cấp tài chính có hiệu quả cho sự phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn.
- Hệ thống ngân hàng được chia làm ba cấp: các ngân hàng tập thể nhỏ và thuộc địa phương, các ngân hàng khu vực chuyển thành các công ty cổ phần thuộc sở hữu của các ngân hàng địa phương và ngân hàng Gospodarki Zrynosciwej hoạt động như một người giám sát và phối hợp của hệ thống ngân hàng tập thể.
- Các đạo luật về cơ cấu ngân hàng đã mở đường cho quá trình tư nhân hóa ngân hàng, diễn ra từ đầu những năm 1990, nhưng sau khi luật Ngân hàng năm 1998 được ban hành thì quá trình đó mới diễn ra mạnh mẽ và có sự tham gia tích cực của vốn bên ngoài.
- Hệ thống giám sát hoạt động của ngân hàng và bảo đảm tính minh bạch tài chính cũng được cải thiện đáng kể.
- Song song với việc cải các hệ thống ngân hàng chính sách tiền tệ của Ba Lan cũng không ngừng được cải thiện và đóng vai trò đặc biệt trong điều hành kinh tế vĩ mô của đất nước

Với những nội dung tương đối toàn diện và triệt để, Ba Lan được coi là ước thành công nhất về cải cách ngân hàng trong số các nước có nền kinh tế chuyển đổi ở Trung và Đông Âu.

Khu vực ngân hàng của Ba Lan có một cấu trúc tương đối hiện đại, các ngân hàng thương mại có cơ sở vốn khá dồi dào, cạnh tranh được tăng cường và hiệu quả cũng như khả năng sinh lời được nâng lên rõ rệt.

Những kết quả của cải cách ngân hàng và tư nhân hóa ở Ba Lan đã tạo tiền đề đặc biệt quan trọng và kích thích sự phát triển của thị trường vốn. Thị trường chứng khoán Warsaw đi vào hoạt động vào tháng 4 năm 1991 và trở thành thể chế cơ bản của thị trường vốn của Ba Lan. Hàng loạt các đạo luật quan trọng được ban hành đã tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho sự phát triển của thị trường vốn. Nhờ đó, nhiều loại vốn được trao đổi trên thị trường với quy mô ngày càng lớn.

4. Cải cách thể chế thương mại

- Tự do hóa thương mại được coi là thành phần then chốt trong gói cải cách của Ba Lan từ năm 1989. Tự do hóa thương mại thúc đẩy cải cách giá cả, khuyến khích cạnh tranh, giảm lạm phát, cải thiện phân bổ nguồn lực, thu hút vốn... đóng góp cho tăng trưởng kinh tế
- Quá trình thương mại hóa của Ba Lan đặc trưng bởi việc gia nhập EU và thực hiện các cam kết với WTO
 - Ba Lan là thành viên sáng lập WTO (1/7/1995) áp dụng quy chế đối xử nhuệ quốc (MFN) cho tất cả các thành viên WTO
 - Năm 2002 thuế 0% với sản phẩm thuộc hiệp định công nghệ thông tin. Thuế quan hóa các biện pháp phi thuế trừ 1 số sản phẩm nông nghiệp. hiện nay các chính sách thương mại của Ba Lan dựa trên các cam kết của WTO
 - 1991 Ba Lan kí hiệp định châu Âu với mục tiêu chiến lược là gia nhập EU. Hiệp định này tạo cơ sở cho tự do trao đổi hàng công nghiệp, dịch vụ, trao đổi vốn, nâng cao tính hợp chuẩn của Ba Lan
 - năm 2002 xóa bỏ thuế quan với hàng công nghiệp nhập khẩu từ các nước EU. Ba Lan thông qua Kế hoạch Châu Âu năm 2006 tập chung cải cách toàn diện: pháp lý, thể chế, kết cấu hạ tầng, chính sahs thương mại, đầu tư, môi trường và nông nghiệp
 - năm 2004 Ba Lan gia nhập EU

5. Cải cách thể chế hành chính

- Cải cách thể chế hành chính là một nội dung quan trọng trong cải cách thể chế ở Ba Lan. Từ giữa thập kỉ 90 cải cách được thúc đẩy mạnh mẽ ở trung ương sau đó đến địa phương
- Năm 1996, Nghị viện Ba Lan thông qua chương trình Cải cách hành chính Kinh tế nhà nước gồm 12 đạo luật với mục tiêu:
 - Phân bổ quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền trung ương nhằm tăng cường năng lực hoạch định chính sách kinh tế, hạn chế sự can thiệp của nhà nước, cải thiện khả năng của chính phủ trong xây dựng các chiến lược phát triển kinh tế trung và dài hạn, cải thiện hiệu quả và sự phối hợp giữa các cơ chế ra quyết định
 - Nhiều tổ chức cũ bị xóa bỏ, nhiều tổ chức mới được thành lập
 - Tăng quyền lực của thủ tướng Chính phủ, tăng vai trò chức năng và nhiệm vụ của Hội đồng Bộ trưởng
 - Từ năm 1999 Ba lan tập trung mạnh mẽ vào cải cách hành chính ở cấp địa phương với nội dung chủ yếu là phi tập chung hóa quyền lực của nhà nước và thay đổi cách thức phân chia ngân sách :Chính quyền địa phương đặc biệt cán bộ cấp quận, tỉnh được giao nhiều quyền hạn và trách nhiệm hơn . mỗi cấp hưởng thêm và tự quản nguồn tài chính để thực hiện các nhiệm vụ được giao

- Về cán bộ công chức cũng được quy định rõ ràng. Công chức được chia làm 4 nhóm căn cứ vào chức năng và trình độ chuyên môn: nhóm “A” gồm người có khả năng nắm giữ chức vụ quản lý cao cấp, nhóm “B” người có chức vụ quản lý thấp, nhóm “C” người giúp việc cho công chức thuộc nhóm khác, nhóm “D” người giữ vị trí đòi hỏi trình độ chuyên môn trong một ngành
- Giảm mức độ can thiệp của nhà nước vào các hoạt động kinh tế: nhà nước nắm chức năng cơ bản về xây dựng thể chế pháp luật, giám sát thực thi pháp luật, an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường, công bằng xã hội...

6. Cải cách thể chế xã hội

- Nguyên nhân
 - Những thay đổi về chính trị và kinh tế sau khi chế độ XHCN sụp đổ
 - Các truyền thống tôn giáo, dân sự và văn hóa của các hoạt động tự nguyện độc lập có tổ chức đã ăn sâu trong xã hội
 - Sự suy yếu của Nhà nước phúc lợi XHCN
 - Những khoảng trống về thể chế hành chính đang lớn lên
 - Sự ủng hộ của các cơ quan chính phủ và các tổ chức phi chính phủ nước ngoài
- Năm 1989 những nguyên tắc hoạt động cơ bản của các thể chế xã hội như tự do bày tỏ ý kiến, tự do lập hội được hiến pháp thông qua
- Những hoạt động chủ yếu của các thể chế này là cung cấp các dịch vụ xã hội, phúc lợi, giáo dục, y tế, nghề nghiệp và công đoàn, văn hóa giải trí, tôn giáo, bảo vệ môi trường... phát triển kinh tế và khoa học. các hoạt động ấy đã khôi phục và thúc đẩy xã hội dân sự ở Ba Lan, giám sát và đảm bảo sự chuyển đổi mang tính dân chủ, hạn chế những yếu kém thể chế và những xung đột xã hội
- Những năm gần đây ự phát triển các thể chế xã hội đã chững lại do nhiều nguyên nhân . vì vậy các thể chế xã hội ở Ba Lan được coi là đang trong bước ngoặt của quá trình phát triển

7. Một số nhận xét

- Ba Lan được coi là một trong những nước thành công nhất về cải cách thể chế trong số các nước có nền kinh tế chuyển đổi ở Trung và Đông Âu
- Cải cách thể chế là một trong ba nhân tố quan trọng đưa đến tăng trưởng kinh tế nhanh chóng của Ba Lan trong những năm chuyển đổi, được gọi là “hiện tượng Ba lan”
- Những thành tựu trong cải cách thể chế đặc biệt là hệ thống tài chính mạnh và minh bạch góp phần tăng trưởng kinh tế cao mà còn giúp nền

kinh tế chống đỡ với cú sốc từ bên ngoài. Người dân tự do tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, thị trường lao động phát triển

- Hạn chế cơ bản của cải cách thể chế ở Ba Lan: hệ thống thuế chưa đảm bảo tính bình đẳng; chi phí cho việc tái cơ cấu DNNN lớn rất cao, cấu trúc thể chế chi tiêu công cộng không hiệu quả; sự thiếu nhất quán của các quy định liên quan đến môi trường kinh doanh giữa các địa phương; tính độc lập chưa rõ ràng của ngân hàng quốc gia gây nên tình trạng thất nghiệp cao
- Để khắc phục những yếu kém trên chính phủ đang ưu tiên tập trung vào các cải cách quan trọng như ổn định nền tài chính quốc gia, cải cách chính sách xã hội, tăng hiệu quả hoạt động của hệ thống tư pháp